TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - T do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Thanh Hải
Bà Hà Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thu Thủy– Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị S, sinh năm 1979
Nơi đăng ký HKTT: Xóm P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
Hiện đang ở Đài Loan. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1976
Nơi đăng ký HKTT và nơi ở hiện tại: Xóm P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản T khai nguyên đơn chị Trần Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn M kết hôn năm 1997 trên cơ sở T nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu sau khi kết hôn, chị và anh M chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, vì điều kiện gia đình nên chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong quá trình sinh sống, làm việc tại nước ngoài, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo chị S, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và nghiêm trọng hơn, không thể giải quyết. Mặc dù chị và anh M đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 21/8/1998 và Phạm Đức H2, sinh ngày 12/02/2006, khi ly hôn chị S có nguyện vọng giao cháu Phạm Đức H2 cho anh M nuôi dưỡng hoặc cháu H2 muốn ở với ai chị sẽ tôn trọng quyết định của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S và anh M T thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh M T thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quyết định uỷ Thác đến Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên để tiến hành tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập, thu thập chứng cứ đối với anh Phạm Văn M.

Tại biên bản làm việc ngày 17/01/2024 giữa Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với bà Lại Thị T, sinh năm 1942 (mẹ đẻ của anh Phạm Văn M) dưới sự chứng kiến của đại diện xã P, huyện Đ và đại diện Xóm P, xã P, huyện Đ xác định: Bà T có nhận được văn bản của Toà án về việc Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lý đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị S. Bà T cho biết: Chị S và anh M trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng anh chị đã ly thân, hiện chị S đang làm việc tại nước ngoài, anh M hiện đang làm việc tại tỉnh Lâm Đồng, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh M. Bà đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và thông báo cho anh M biết để đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên làm việc theo giấy triệu tập. Bà cho biết hiện 02 con chung của chị S và anh M có 01 con chung là cháu Phạm Thị H1 đã đi lập gia đình và ở riêng, cháu Phạm Đức H2, sinh ngày 12/02/2006 hiện đang ở với bà. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không biết về tài sản chung nợ chung của anh M và chị S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị S, cho chị S được ly hôn với anh Phạm Văn M. Về con chung: Hai con chung của anh M và chị S đã đủ 18 tuổi. Về Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Chị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị S là nguyên đơn có nơi đăng ký HKTT: Xóm P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại đang ở Đài Loan. Đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ của chị S đều có chứng thực của Văn phòng kinh tế Văn hoá Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan. Do vậy, có đủ cơ sở xác định, nội dung các văn bản của chị Trần Thị S nộp gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là đúng ý chí, nguyện vọng của chị S. Anh Phạm Văn M là bị đơn hiện đang cư trú tại: Xóm P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết anh M đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh M không đến Tòa án và cũng không cung cấp quan điểm của mình cho Tòa án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Chị S đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2].Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị S và Phạm Văn M trên cơ sở T nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, theo chị S trình bày: Do do bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn. Đến nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và nghiêm trọng hơn, không thể giải quyết. Mặc dù chị và anh M đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được, vì tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin được ly hôn với anh M. Anh M không có văn bản thể hiện ý kiến của mình mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Thấy rằng, Anh M và chị S đã sống ly thân nhau nhiều năm, mâu thuẫn giữa chị S và anh M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị S, cho chị S được ly hôn với anh M là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2.]. Về con chung: Chị S và anh M có 02 con chung là Phạm Thị H1, sinh ngày 21/8/1998 và Phạm Đức H2, sinh ngày 12/02/2006. Hiện cháu H1 đã lập ra đình và ra ở riêng, cháu H2 đang ở nhà bà nội với anh M tại Xóm P, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Tại bản T khai của cháu Phạm Đức H2 thể hiện cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố (anh M) và bà nội do mẹ cháu (chị S) đang ở nước ngoài. Chị S cũng có quan điểm, khi cha mẹ ly hôn nhất trí giao cháu H2 cho anh M. Hội đồng xét xử thấy, tại thời điểm xét xử vụ án thì cháu H2 đã đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh M không có ý kiến quan điểm về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[2.5] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Điều 273; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị S đối với anh Phạm Văn M.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị S được ly hôn anh Phạm Văn M.
2. Về con chung: Đã đủ 18 tuổi.
3. Tài sản chung, nợ chung: Chưa giải quyết về tài sản chung, nợ chung.
4. Án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000035 ngày 16/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trần Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND xã P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)
Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Phương